

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức; Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 3748/TTr-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026, Báo cáo số 374/BC-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 207/BC-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã; tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã giao tại Điều 1 Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh: **4.432** (Phụ lục kèm theo).

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: **22.795**.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 2 và Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng hợp đồng lao động tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế, số lượng người làm việc theo đúng quy định hiện hành; triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về rà soát, sắp xếp biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, bảo đảm số lượng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và trình độ chuyên môn của công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương và lộ trình của tỉnh.

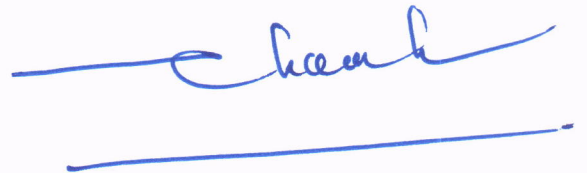
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 25 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ2. 

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh

PHỤ LỤC

Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ninh năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/8/2026 của HĐND tỉnh)

TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức giao năm 2026 (sau khi điều chỉnh, bổ sung)	Tăng, giảm (-) so với Nghị quyết số 319/NQ-HĐND
	Tổng cộng (I+II+III)	4.432	-584
I	Các sở, ban, ngành	1.494	-60
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	39	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	89	-5
3	Ban An toàn giao thông (giải thể)	0	-5
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	45	
5	Sở Ngoại vụ	25	
6	Sở Tư pháp	31	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	54	-3
8	Sở Y tế	80	-4
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo	25	
10	Sở Công Thương	147	-4
11	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	64	-3
12	Sở Tài chính	110	-6
13	Sở Khoa học và Công nghệ	55	-3
14	Sở Xây dựng	116	5
15	Sở Nội vụ	90	-5
16	Sở Nông nghiệp và Môi trường	391	-20
17	Thanh tra tỉnh	133	-7
II	Các xã, phường, đặc khu	2.716	-404
1	Phường Tuần Châu	35	-12
2	Phường Việt Hưng	51	2
3	Phường Bãi Cháy	49	
4	Phường Hà Tu	47	
5	Phường Hà Lâm	44	-5
6	Phường Cao Xanh	48	-1
7	Phường Hồng Gai	42	-11
8	Phường Hạ Long	43	-10

Nguyễn Văn...

TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức giao năm 2026 (sau khi điều chỉnh, bổ sung)	Tăng, giảm (-) so với Nghị quyết số 319/NQ-HĐND
9	Phường Hoàn Bồ	52	-1
10	Xã Quảng La	41	-7
11	Xã Thống Nhất	49	-1
12	Xã Hải Sơn	32	-15
13	Xã Hải Ninh	35	-13
14	Xã Vĩnh Thực	35	-12
15	Phường Móng Cái 1	67	-3
16	Phường Móng Cái 2	51	-3
17	Phường Móng Cái 3	49	1
18	Phường Yên Tử	56	2
19	Phường Vàng Danh	55	-3
20	Phường Uông Bí	71	-3
21	Phường Mông Dương	36	-14
22	Phường Quang Hanh	59	-5
23	Phường Cẩm Phả	62	-18
24	Phường Cửa Ông	59	-10
25	Xã Hải Hòa	32	-12
26	Phường An Sinh	51	-4
27	Phường Đông Triều	67	-9
28	Phường Bình Khê	50	2
29	Phường Mạo Khê	72	-6
30	Phường Hoàng Quế	51	-2
31	Phường Đông Mai	51	3
32	Phường Hiệp Hòa	48	
33	Phường Quảng Yên	52	-3
34	Phường Hà An	52	5
35	Phường Phong Cốc	48	-5
36	Phường Liên Hòa	54	-4
37	Xã Tiên Yên	49	-1
38	Xã Điền Xá	42	-6
39	Xã Đông Ngũ	46	-3
40	Xã Hải Lạng	32	-15



TT	Tên đơn vị, địa phương	Biên chế cán bộ, công chức giao năm 2026 (sau khi điều chỉnh, bổ sung)	Tăng, giảm (-) so với Nghị quyết số 319/NQ-HĐND
41	Xã Hoàn Mỹ	42	-7
42	Xã Lục Hồn	39	-10
43	Xã Bình Liêu	49	-2
44	Xã Lương Minh	41	-6
45	Xã Kỳ Thượng	40	-7
46	Xã Ba Chẽ	52	-13
47	Xã Quảng Tân	45	-23
48	Xã Đàm Hà	52	-24
49	Xã Cái Chiên	21	-12
50	Xã Quảng Hà	59	-9
51	Xã Đường Hoa	47	-3
52	Xã Quảng Đức	44	-9
53	Đặc khu Vân Đồn	168	-64
54	Đặc khu Cô Tô	52	-13
III	Dự phòng	222	-120

Alau